

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Biển và Hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Biển và Hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Biển và Hải đảo (gồm 12 TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm:

1. Công khai TTHC này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết TTHC này theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Sửa đổi 05 TTHC số thứ tự từ 297 đến 301 (Thủ tục cấp giấy phép nhận chìm ở biển; Thủ tục gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển; Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển; Thủ tục trả lại giấy phép nhận chìm; Thủ tục cấp lại giấy phép nhận chìm) trong lĩnh vực Biển và hải đảo tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Thay thế Quyết định 1368/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Biển và Hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các CQCM thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP. Huế;
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG VÀ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ DANH MỤC HỒ SƠ	Thời gian thụ lý (ngày làm việc)				
		Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh	Tiếp nhận và giao trả	Chuyên viên	LĐVP	LĐUB
	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (12 TTHC)					
1	Công nhận Khu vực biển	05	0,5	3,5	0,5	0,5
	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
1.1	Đơn đề nghị công nhận khu vực biển, được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2012/NĐ-CP; <i>(Bản chính)</i>					
1.2	Hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển (nếu có); văn bản cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (nếu có) do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp; <i>(Bản chính)</i>					
1.3	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển, công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển <i>(Bản chính)</i>					
1.4	Sơ đồ khu vực biển đề nghị công nhận, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao được lập theo Mẫu số 05, Nghị định số 11/2021/NĐ-CP <i>(Bản chính)</i>					
	<i>Dự thảo Quyết định có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					
2	Giao khu vực biển	05	0,5	3,5	0,5	0,5

	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
2.1	Đơn đề nghị giao khu vực biển, được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (<i>Bản chính</i>)					
2.2	Văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (<i>Bản sao</i>)					
2.3	Một trong các văn bản sau: quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, văn bản xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có quy định) (<i>Bản sao</i>)					
2.4	Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao được lập theo Mẫu số 05, Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (<i>Bản chính</i>)					
	<i>Dự thảo Quyết định có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					
	* Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:					
2.1	Đơn đề nghị giao khu vực biển, được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (<i>Bản chính</i>)					
2.2	Văn bản cho phép, giao nhiệm vụ hoặc quyết định phê duyệt thuyết minh, đề cương thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nuôi trồng thủy sản và nhiệm vụ khoa học, công nghệ biển khác có sử dụng diện tích khu vực biển cố định (<i>Bản sao</i>)					
2.3	Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao được lập theo Mẫu số 05, Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (<i>Bản chính</i>)					
3	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	05	0,5	3,5	0,5	0,5
	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
3.1	Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển, được lập theo Mẫu số 02 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (<i>Bản chính</i>)					
3.2	Quyết định giao khu vực biển đã được cấp (<i>Bản chính</i>)					
3.3	Văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn hoặc còn thời hạn (<i>Bản sao</i>)					

3.4	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển, công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn (<i>Bản chính</i>)					
	<i>Dự thảo Quyết định có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					
4	Trả lại khu vực biển	05	0,5	3,5	0,5	0,5
	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
4.1	Đơn đề nghị trả lại khu vực biển, theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ/CP (<i>Bản chính</i>)					
4.2	Quyết định giao khu vực biển đã được cấp (<i>Bản chính</i>)					
4.3	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển, công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển (<i>Bản chính</i>)					
4.4	Sơ đồ khu vực biển còn lại sau khi trả lại một phần khu vực biển (đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực biển) (<i>Bản chính</i>)					
	<i>Dự thảo Quyết định có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					
5	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	05	0,5	3,5	0,5	0,5
	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
5.1	Đơn sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ/CP (<i>Bản chính</i>)					
5.2	Quyết định giao khu vực biển đã được cấp (<i>Bản chính</i>)					
5.3	Văn bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận thể hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (<i>Bản sao</i>)					
	<i>Dự thảo Quyết định có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					
6	Thủ tục cấp giấy phép nhận chìm ở biển	05	0,5	3,5	0,5	0,5
	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
6.1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, được lập theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục					

	của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 (Bản chính)					
6.2	Dự án nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 (Bản chính)					
6.3	Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật (<i>Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>)					
6.4	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp) (<i>Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>)					
6.5	Bản đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 (Bản chính)					
	<i>Dự thảo Giấy phép có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					
7	Thủ tục gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	05	0,5	3,5	0,5	0,5
	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
7.1	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển, được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 (Bản chính)					
7.2	Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp (<i>Bản chính hoặc Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>)					
7.3	Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Bản chính)					
	<i>Dự thảo Giấy phép có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					
8	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	05	0,5	3,5	0,5	0,5
	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
8.1	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển, trong đó nêu rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 (Bản chính)					
8.2	Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp (<i>Bản chính hoặc Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>)					
8.3	Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung					

	Giấy phép nhận chìm ở biển (Bản chính)					
8.4	Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do có sự thay đổi quy mô nhận chìm; ranh giới, diện tích khu vực biển sử dụng để nhận chìm; cách thức nhận chìm (<i>Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>)					
8.5	Văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân được phép nhận chìm ở biển thay đổi tên trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do thay đổi tên (<i>Bản chính hoặc Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>)					
8.6	Bản đồ khu vực biển trong trường hợp có sự thay đổi về ranh giới, diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 (Bản chính)					
	<i>Dự thảo Giấy phép có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					
9	Thủ tục trả lại giấy phép nhận chìm	05	0,5	3,5	0,5	0,5
	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
9.1	Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, được lập theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 (Bản chính)					
9.2	Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp (Bản chính)					
9.3	Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Bản chính)					
	<i>Dự thảo Quyết định có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					
10	Thủ tục cấp lại giấy phép nhận chìm	05	0,5	3,5	0,5	0,5
	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
10.1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại được lập theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP (Bản chính)					
10.2	Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển (Bản chính)					

	<i>Dự thảo Giấy phép có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					
11	Thủ tục khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử	02	0,25	0,75	0,5	0,5
	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
11.1	<p>Biểu mẫu trên giao diện của mạng điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ của tổ chức; họ và tên, nơi cư trú, địa chỉ, số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu của cá nhân; số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của tổ chức, cá nhân; - Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp; - Mục đích khai thác và sử dụng dữ liệu; - Hình thức khai thác và sử dụng dữ liệu, phương thức nhận kết quả. 					
	<i>Dự thảo Quyết định có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					
12	Thủ tục khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu	02	0,25	0,75	0,5	0,5
	<i>Tờ trình thẩm định và trình duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường</i>					
12.1	<p>Phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu với các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ của tổ chức; họ và tên, nơi cư trú, địa chỉ, số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu của cá nhân; số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của tổ chức, cá nhân; - Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp; - Mục đích khai thác và sử dụng dữ liệu; - Hình thức khai thác và sử dụng dữ liệu, phương thức nhận kết quả. 					
	<i>Dự thảo Quyết định có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử</i>					

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH